

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KIM THÀNH  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 20/3/2024

V/v : “Ly hôn, tranh chấp nuôi  
con chung khi ly hôn”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH - TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Trung.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Giang và bà Đỗ Thị Ái Thương.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Hằng Nga, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành tham gia phiên tòa:** Ông Vũ Văn Tiên, Kiểm sát viên.

Ngày 20/3/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 294/2023/TLST-HNGĐ ngày 13/10/2023, về việc *Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn*, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2024/QĐXX-ST ngày 01/02/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2024/QĐST-HNGĐ ngày 28/02/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Hồng L, sinh năm 1981.

Nơi cư trú: Thôn Th, xã C, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

- *Bị đơn:* Anh Lê Văn V, sinh năm 1978.

Nơi cư trú: Thôn Th, xã C, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

(Chị L và anh V đều vắng mặt tại phiên tòa).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn chị L trình bày:

*Về quan hệ hôn nhân:* Chị và anh V được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, được đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương ngày 21/02/2000. Ngay sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống đã không có hạnh phúc. Nguyên nhân do vợ chồng không đồng cảm trong cuộc sống, sinh hoạt. Anh V thường xuyên đánh đập chị. Chị đã phải nhiều lần bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở nhưng anh V lại đến xin lỗi, hứa sẽ thay đổi và mong muốn vợ chồng đoàn tụ nên chị lại quay về nhưng thực sự anh V không thay đổi, càng hay đánh chửi, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của chị. Chị đã phải ra ngoài thuê trọ nhiều tháng nay. Nay chị xác định chị không còn tình cảm gì với anh V, đòi

sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh V.

*Về quan hệ con chung:* Chị và anh V có hai con chung là Lê Quỳnh Ch, sinh tháng 12/2005 đã trưởng thành, tự lập và Lê Quang V1, sinh ngày 08/4/2008, cháu V1 đang ở cùng anh V. Sau ly hôn, do chị không có chỗ ở, điều kiện khó khăn nên chị tự nguyện để anh V được tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu V1.

*Về quan hệ tài sản:* Chị và anh V không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Theo bản tự khai, Biên bản lấy lời khai anh V trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn như chị L trình bày. Về mâu thuẫn vợ chồng: Anh V xác định vợ chồng có mâu thuẫn, có lúc nóng nảy anh đã mắng chửi vợ con, cuộc sống chung vợ chồng không có hạnh phúc, chị L đã ra ngoài thuê trọ từ tháng 7/2023 và vợ chồng không còn quan hệ tình cảm, kinh tế từ đó đến nay. Tuy nhiên anh còn thương yêu chị L nên không đồng ý ly hôn nhưng nếu chị L cương quyết xin ly hôn thì anh cũng chấp nhận và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*Về quan hệ con chung:* Vợ chồng anh có hai con chung là Lê Quỳnh Ch, sinh tháng 12/2005 đã trưởng thành, tự lập và Lê Quang V1, sinh ngày 08/4/2008, cháu V1 đang ở cùng anh. Sau ly hôn, anh xin được tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu V1 và tự nguyện không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung, anh lao động tự do, thu nhập bình quân khoảng 15.000.000 đồng/tháng.

*Về quan hệ tài sản:* Anh xác định vợ chồng anh không có tài sản chung, không có nợ chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Chị L có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn anh V; chị tự nguyện để anh V được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu V1, anh V không yêu cầu chị cấp dưỡng nuôi con, chị đồng ý; chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng.

Anh V đã được tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do và không có ý kiến gì.

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa tóm tắt nội dung vụ án và công bố các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Từ khi thụ lý vụ án, Thẩm phán đã thụ lý đúng thẩm quyền, việc thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự, thời hạn giải quyết, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà Hội đồng xét xử đã tuân theo Pháp luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn thực hiện chưa đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hướng giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị L, xử cho chị L được ly hôn anh V. Về con chung: Căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân & gia đình: Giao cho anh V được tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Lê Quang V1, sinh ngày 08/4/2008 đến khi cháu V1 trưởng thành đủ 18 tuổi, chấp nhận sự tự nguyện của anh V về việc không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Chị L và anh V đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không phải giải quyết. Về án phí: Chị L phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ của vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương có đủ cơ sở xác định:*

[1] *Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa:* Chị Phạm Hồng L xin vắng mặt tại phiên tòa; anh Lê Văn V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Phạm Hồng L và anh Lê Văn V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Kim thành, tỉnh Hải Dương, là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị L với anh V, Hội đồng xét xử nhận thấy: Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn giữa chị L và anh V là do vợ chồng không có tiếng nói chung, không đồng cảm trong cuộc sống, sinh hoạt. Anh V thường xuyên chửi bới, đánh đập, xúc phạm nhân phẩm danh dự chị L, cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc. Vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau từ nhiều tháng nay. Bản thân anh V, qua lời khai, biên bản hòa giải, anh cũng xác định vợ chồng có mâu thuẫn, lúc nóng nảy anh đã mắng chửi vợ con, cuộc sống chung vợ chồng không có hạnh phúc, chị L đã ra ngoài thuê trọ từ tháng 7/2023 và vợ chồng không còn quan hệ tình cảm, kinh tế từ đó đến nay. Tuy nhiên anh còn thương yêu chị L nên không đồng ý ly hôn nhưng nếu chị L cương quyết xin ly hôn thì anh cũng chấp nhận và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Qua lời khai của cháu Lê Quỳnh Ch và cháu Lê Quang V1, là con anh V chị L: Bố mẹ cháu có nhiều mâu thuẫn, bố cháu thường xuyên chửi bới mẹ con cháu và hay đánh đập mẹ cháu, cuộc sống gia đình cháu không ngày nào được yên ả, hạnh phúc. Các cháu và mẹ cũng đã nhiều lần động viên bố, khuyên bố

không đánh chửi mẹ nữa nhưng không có kết quả. Mẹ cháu đã ra ngoài thuê trọ và nay mẹ cháu có đơn xin ly hôn bố cháu, cháu là con không muốn bố mẹ phải ly hôn nhưng nếu bố không thay đổi, thường xuyên hành hạ mẹ thì cháu cũng đồng ý mẹ cần ly hôn bố và cháu cũng đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của Pháp luật, cho mẹ cháu được ly hôn với bố cháu để mẹ cháu ổn định cuộc sống, không phải chịu nhiều nỗi khổ cực do bố cháu gây ra.

Qua xác minh, chính quyền địa phương cung cấp: Vợ chồng L V thường xuyên xảy ra tranh cãi, mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, gây ồn ào ảnh hưởng đến trật tự thôn xóm.

Như vậy, có đủ căn cứ xác định mâu thuẫn giữa chị L và anh V đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu của chị L, xử cho chị L được ly hôn anh V là phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về quan hệ con chung*: Chị L và anh V có hai con chung là Lê Quỳnh Ch, sinh tháng 12/2005 đã trưởng thành, tự lập và Lê Quang V1, sinh ngày 08/4/2008, cháu V1 đang ở cùng anh V. Sau ly hôn, anh V xin được tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu V1; chị L tự thấy bản thân không đủ điều kiện trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu V1, chị tự nguyện để anh V được tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu V1; cháu V1 cũng có lời khai xin được ở cùng anh V. Xét hoàn cảnh thực tế của anh V, chị L, nguyện vọng chính đáng của cháu V1, cần thiết giao cho anh V được tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu V1 là phù hợp quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Anh V không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung là hoàn toàn tự nguyện, cần chấp nhận.

[4] *Về quan hệ tài sản*: Chị L và anh V đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra việc giải quyết.

Sau này các đương sự có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung, tài sản chung thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của Pháp luật.

[5] *Về án phí*: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị L có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết về hôn nhân & gia đình và không thuộc trường hợp được miễn nên phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1/ Căn cứ:** Điều 39 Bộ luật dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự. Luật phí và lệ phí; Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

**2/ Về quan hệ hôn nhân:** Xử cho chị Phạm Hồng L được ly hôn anh Lê Văn V.

**3/ Về quan hệ con chung:** Giao cháu Lê Quang V1, sinh ngày 08/4/2008 cho anh V được tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi cháu V1 trưởng thành đủ 18 tuổi.

*Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.*

*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.*

Chấp nhận sự tự nguyện của anh V về việc không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung.

**4/ Về tài sản chung, nợ chung:** Chị L và anh V đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**5/ Về án phí:** Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành theo biên lai số AA/2022/000 1749 ngày 13 tháng 10 năm 2023.

**6/ Về quyền kháng cáo:** Chị L và anh V được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Kim Thành;
- Chi cục THADS huyện Kim Thành;
- UBND xã C, huyện Kim Thành;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Văn Trung**